

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 123/2024/HNGĐ-ST
Ngày 24 – 6 – 2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thanh Liêm

Ông Nguyễn Hoàng Dân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Bích Như - là Thư ký viên Tòa án nhân dân Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 162/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024, về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024, giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà **Bùi Kim C**, sinh năm 1986(có mặt)

Địa chỉ cư trú: **Ấp B, Xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.**

- **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Minh G**, sinh năm 1983(vắng mặt)

Địa chỉ: **Ấp B, Xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của nguyên đơn là bà **Bùi Kim C** trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân, bà và ông **G** đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã **Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau** vào ngày 07/01/2010, số đăng ký 03, quyển số 01/2010. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về kinh tế, tài chính trong gia đình, nói chuyện không hợp với nhau, ông **G** đi làm ở **S** cũng khoảng 01 năm nay, ít khi về nhà nên không cùng vợ chăm sóc con cái, gia đình. Hiện nay cuộc sống chung không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung nên bà yêu cầu ly hôn với ông **G**.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên là **Nguyễn Bùi Triệu V**, sinh ngày 07/01/2012 và **Nguyễn Bùi Anh V** 1h Vy, sinh ngày 30/11/2016. Hiện nay

các con đang ở chung với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi cả hai con, đồng ý ông **G** cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, định kỳ cấp dưỡng hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung, không có

*Theo bản tự khai và trình bày của bị đơn là ông **Nguyễn Minh G** trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:*

Về hôn nhân, về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như bà **C** trình bày. Trong quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, ông đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh đã lâu, do không có thời gian gần gũi chăm sóc cho vợ con, thời gian gần đây, Công ty không trả lương cho ông nên không có tiền gửi về nuôi con do đó bà **C** mới yêu cầu ly hôn với ông. Nay ông xác định vẫn còn thương vợ, thương con, yêu cầu có thời gian để hàn gắn nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung, vợ chồng có 02 con chung tên **Nguyễn Bùi Triệu V**, sinh ngày 07/01/2012 và **Nguyễn Bùi Anh V** h Vy, sinh ngày 30/11/2016 đúng như bà **C** trình bày. Hiện nay hai con đang sống chung với bà **C**. Trường hợp Tòa án cho ly hôn, ông đồng ý giao cả hai con cho bà **C** nuôi, ông cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, định kỳ cấp dưỡng hàng tháng.

Về tài sản chung: Ông xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông **Nguyễn Minh G** đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông **G** theo quy định tại các Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Nội dung tranh chấp được xác định là xin ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về hôn nhân, bà **C** và ông **G** đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 07/01/2010 theo giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyền số 01/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau theo quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà **C** cương quyết xin ly hôn vì cho rằng ông **G** đi làm xa, không thường xuyên về nhà để chia sẻ với bà các vấn đề tài chính, chăm sóc nuôi dạy con chung, tình cảm vợ chồng không còn. Còn ông **G** không đồng ý ly hôn vì cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn, do ông đi làm xa không có thời gian gần

gửi chăm sóc cho vợ con, thời gian gần đây Công ty không trả lương nên ông không có tiền gửi về nuôi con do đó bà C mới yêu cầu ly hôn với ông.

Xét thấy, theo sự trình bày của bà C và ông G cho thấy, hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng do không gần gũi, quan tâm chia sẻ với nhau các vấn đề trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà C ly hôn với ông G.

[4] Về con chung, ông bà có 02 con chung tên là Nguyễn Bùi Triệu V, sinh ngày 07/01/2012 và Nguyễn Bùi Anh V1h Vy, sinh ngày 30/11/2016. Hiện nay các con đang ở chung với bà C. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà C và ông G đều thống nhất, trường hợp ly hôn, ông G đồng ý giao cả hai con cho bà C tiếp tục nuôi, ông G cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, định kỳ cấp dưỡng hàng tháng. Xét đây là sự tự nguyện của các đương sự, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Ông G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà C và ông G đều xác định không có nên không đề cập xem xét.

[6] Bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình. Ông G1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Bùi Kim C ly hôn với ông Nguyễn Minh G.

2/ Về con chung: Buộc ông Nguyễn Minh G giao 02 con chung tên là Nguyễn Bùi Triệu V, sinh ngày 07/01/2012 và Nguyễn Bùi Anh V1h Vy, sinh ngày 30/11/2016 cho bà Bùi Kim C trực tiếp nuôi.

Ông Nguyễn Minh G có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, định kỳ cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Ông G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp ông G không thực hiện cấp dưỡng nuôi con đúng như thỏa thuận nêu trên, thì kể từ ngày bà C có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông G còn phải chịu thêm khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Ông bà xác định không có nên không đề cập xem xét.

4/ Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000đ, bà **C** phải nộp. Bà **C** đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo biên lai số 0008256, ngày 15/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, được đối trừ, bà **C** đã nộp đủ.

Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ, ông **G** phải nộp (chưa nộp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà **C** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông **G** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND Tp Cà Mau;
- UBND xã Quách Phẩm, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Kim Oanh

